

Câu 13: Nội dung chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế của Liên minh châu Âu (EU). Những điểm cần lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU.

Nguyên tắc:

EU thực hiện việc xây dựng và áp dụng các công cụ biện pháp điều chỉnh quan hệ TMQT với các nước ngoài khối thông qua CS TM dựa trên hiệp định.

CS TM này được thực hiện với các CS cụ thể như sau:

- Nguyên tắc không phân biệt đối xử
- Nguyên tắc có đi có lại
- Nguyên tắc minh bạch hóa
- Nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng

Đặc trưng của chính sách:

- Bảo hộ đối với nền sản xuất NN. Vì NN đóng góp tỷ trọng tương đối lớn; An toàn với người tiêu dùng.
- Bảo vệ người tiêu dùng
- Bảo vệ môi trường

Các công cụ, biện pháp chủ yếu:

- Quy định về hải quan
- Rào cản kỹ thuật
- Hạn ngạch
- Hạn chế xuất khẩu tự nguyện
- Áp dụng cs chống bán phá giá

Hiện nay, EU đang thực hiện quá trình mở rộng và phát triển quan hệ TM hàng hóa. Do đó rất chú trọng thực hiện cs tự do hóa TM, cụ thể là công cụ thuế quan, hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và hạn ngạch từng bước được cắt giảm.

A, Chính sách quản lý NK của EU:

Quy định về thủ tục hải quan

EU sử dụng thủ tục hải quan đồng nhất và sử dụng giấy phép NK.

Thuế quan:

+ Mức thuế trung bình:

Đối với hàng nông sản là 18%

Đối với hàng hóa công nghiệp là 2%

+ Mức thuế quan cao nhất và thấp nhất:

Hàng nông sản là 0% - 470%

Hàng CN là 0% - 36,6%

+ Phân loại thuế quan NK: Biểu thuế quan của EU chia làm 3 nhóm

Nhóm các nước được hưởng quy chế tối huệ quốc (quy chế quan hệ TM bình thường) (MFN).

Biểu thuế quan được công bố trên thông báo hàng năm.

Nhóm các nước được hưởng đơn thuần ưu đãi trong hệ thống ưu đãi thuế quan (GSP)

Nhóm các nước được hưởng GSP và có kèm theo điều kiện

Quy tắc xuất xứ:

+ Quy tắc xuất xứ ưu đãi: phần lớn giành cho hàng CN đối với các nước được hưởng chế độ tối huệ quốc và có hoạt động TM song phương đặc biệt. Trong hệ thống xuất xứ ưu đãi thì EU áp dụng chế độ xuất xứ gộp. EU đưa ra các quy định rất chặt chẽ về chế độ giám sát.

+ Quy tắc xuất xứ không ưu đãi: đối với các quốc gia thực hiện theo hệ thống nguyên tắc xuất xứ không ưu đãi khi xuất khẩu hàng hóa vào EU sẽ phải chịu sự kiểm soát bởi tất cả các công cụ biện pháp trong hệ thống quản lý nhập khẩu.

Tất cả các sản phẩm hàng hóa NK vào EU đều phải có giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của nước XK cấp.

Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP):

Từ 1-1-2006 EU áp dụng hệ thống GSP mới đối với 143 quốc gia và 36 vùng lãnh thổ trên TG. Hệ thống GSP mới có chế độ phân loại hàng hóa đơn giản hơn từ 4 nhóm hàng còn 2 nhóm hàng.

+ Mức thuế ưu đãi được áp dụng so với mức thuế tối huệ quốc (MFN)

Đối với nhóm hàng nhạy cảm: đối với các hàng hóa áp dụng cách tính thuế theo giá trị mức độ ưu đãi là 3,5% điểm. Đối với các hàng hóa áp dụng cách tính thuế đặc định thuế ưu đãi áp dụng là 30% điểm so với mức thuế xuất hiện hành.

Đối với nhóm hàng không nhạy cảm được miễn thuế hoàn toàn.

+ EU áp dụng chế độ GSP đặc biệt đối với các nước có cs phòng chống và sản xuất buôn bán ma túy và đối với những nước có yêu cầu được thực hiện các cam kết trong quy định về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

Thuế gián tiếp:

Thuế gián tiếp được áp dụng với tất cả các sản phẩm NK vào EU.

+ Thuế giá trị gia tăng (VAT): áp dụng đối với các sản phẩm thiết yếu với mức thuế thấp hơn và các sản phẩm xa xỉ có mức thuế cao hơn.

+ Thuế tiêu thụ: được áp dụng mức thuế tùy theo tác động của sản phẩm đối với người tiêu dùng

Các rào cản kỹ thuật

Trong cs TMQT của EU được xây dựng và thực hiện dựa trên khung pháp lý quốc tế là hiệp định TBT của WTO (Technical Barriers to Trade)

Mục tiêu của hiệp định nhằm hạn chế mức ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật đối với TM

Các nguyên tắc của hiệp định:

- Không phân biệt đối xử
- Đảm bảo tính vừa đủ, tức là các quốc gia không được phép áp dụng 1 cách thái quá các rào cản kỹ thuật gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ TM
- Đảm bảo tính hài hòa các quốc gia phải dựa trên chuẩn mực quốc tế để đưa ra các rào cản kỹ thuật áp dụng trong TM
- Đảm bảo tính minh bạch phải công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng

Các rào cản trong cs quản lý NK bao gồm:

- Quy định về sức khỏe và an toàn
- Quy định về môi trường
- Quy định về trách nhiệm xã hội
- Quy định về tiêu chuẩn chất lượng

+ *Quy định về sức khỏe và an toàn* được thực hiện nhằm 1 mục tiêu yêu cầu các nước XK chỉ được phép đưa vào thị trường EU những sản phẩm thực sự an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng và đối với môi trường sinh thái.

Đối với các sản phẩm CN

khi NK vào EU phải đủ tiêu chuẩn được dán mác C/E. Ngoài ra, các sản phẩm CN như thực phẩm cần đáp ứng các quy định trong luật thực phẩm của EU. Tất cả các sản phẩm CN khi NK vào EU đều phải đáp ứng quy trình sản xuất có áp dụng hệ thống HACCP.

Đối với các sản phẩm NN:

. Quy định về nền NN hữu cơ: quy định về kiểm soát quy trình sản xuất cụ thể đối với vấn đề sử dụng phân bón các loại thuốc phòng trừ bệnh và cách thức nuôi dưỡng cây trồng vật nuôi. Trong cs EU cấm Nk các sản phẩm sản xuất sử dụng công nghệ biến đổi gen.

. Thực tiễn NN tốt quy định về thực tiễn NN tốt bao gồm những quy định liên quan đến quy trình sản xuất đặc biệt tiêu chuẩn về nền NN hữu cơ đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy định đối với quy trình thu hoạch và bảo quản sản phẩm. Hiện nay, EU đang áp dụng tiêu chuẩn EUROGAP đối với các sản phẩm rau quả tiến tới sẽ áp dụng các sản phẩm như hoa cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa.

+ *Quy định về bảo vệ môi trường* sử dụng nhằm mục đích bảo vệ môi trường sinh thái trên toàn cầu và tại EU nói riêng với mục tiêu đó EU cho phép NK các sản phẩm có đặc tính thân thiện với môi trường. Trong đó các biện pháp sử dụng để quy định về bảo vệ môi trường bao gồm:

. Những sản phẩm NK vào thị trường EU có quy trình sản xuất ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái phải đáp ứng được tiêu chuẩn ISO14001

. Các sản phẩm NK vào thị trường EU sẽ được kiểm soát tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường thông qua việc dán mác sinh thái theo tiêu chuẩn chung của EU hoặc tiêu chuẩn của quốc gia NK hoặc tiêu chuẩn riêng của sản phẩm.

+ *Quy định về trách nhiệm xã hội* (tiêu chuẩn SA 8000)

Điều kiện việc làm

Độ tuổi của người lao động

Chế độ đãi ngộ

Sự tự do của người lao động

Hiện nay, EU áp dụng tiêu chuẩn SA 8000 với 22 ngành nghề và với 30 quốc gia và họ công nhận chứng chỉ của quốc gia XK trong thời hạn 3 năm.

+ *Quy định về chất lượng sản phẩm* quy định không bắt buộc đối với các sản phẩm NK vào thị trường EU. Tuy nhiên các sản phẩm có quy trình sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9000 sẽ được ưa chuộng hơn và có ưu thế hơn khi NK vào thị trường EU.

Các biện pháp quản lý NK khác:

Hạn ngạch:

Chủ yếu áp dụng hình thức hạn ngạch thuế quan. Áp dụng với 2 loại nhóm hàng café và dệt may. Dệt may xóa bỏ đối với các nước là thành viên của WTO.

Chính sách chống bán phá giá:

+ Căn cứ áp dụng: giá bán sản phẩm tại thị trường EU thấp hơn so với mức giá bán tại thị trường nội địa. Giá bán nội địa = CFSX + CFTM + lợi nhuận. Các nhà sản xuất nội địa tại EU phát đơn kiện

+ Các biện pháp trừng phạt: áp dụng các biện pháp hạn chế NK như đánh thuế, quy định hạn ngạch NK. Cấm NK và mức độ áp dụng các biện pháp trừng phạt sẽ tùy thuộc vào mức độ gây tổn hại của việc bán phá giá và các nhà sản xuất nội địa EU

Các biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện thường được áp dụng với các nước có quy mô NK lớn vào thị trường EU như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Biện pháp tự vệ áp dụng với các nguyên tắc, tình huống mặt hàng trong thời gian nhất định. Nguyên cơ gây tổn hại lớn.

B. Chính sách trợ cấp XK

Áp dụng với cá mặt hàng nông sản thông qua biện pháp ứng vốn trước. Vốn ứng trước = chênh lệch giữa giá bán trên thị trường TG và giá bán tại thị trường nội địa.

Các nhà sản xuất hàng nông sản của EU sẽ được cấp phần vốn ứng trước từ ngân sách NN, phần vốn này sẽ không phải trả lại.

*** Những lưu ý đối với doanh nghiệp VN khi xk sang thị trường EU**

EU là một thị trường phát triển ở trình độ cao nên đòi hỏi của người tiêu dùng đối với hàng hóa nhập khẩu rất khắt khe. Tại đây, giá cả hàng hóa và dịch vụ không phải là yếu tố được quan tâm nhiều, mà yêu cầu trước hết là chất lượng, mẫu mã, những tiêu chuẩn liên quan đến bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Giờ đây, trên thị trường tất cả các nước thành viên EU, mọi hàng hóa nhập khẩu thường phải được kiểm tra ngay từ khâu sản xuất tại nước xuất xứ

nhằm bảo đảm cho sp làm ra đáp ứng được những tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu. Thông thường, người tiêu dùng thích tìm mua những sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng thế giới, phần đông người tiêu dùng thích tìm mua những sản phẩm làm từ chất liệu tự nhiên, có kiểu dáng và mẫu mã thay đổi nhanh, có phương thức phục vụ tốt và đặc biệt là có dịch vụ hậu mãi chu đáo. Do đó, các doanh nghiệp VN cần hải quan tâm đầu tư cải thiện qui trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường nghiên cứu thị trường. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật của EU. Chất lượng hàng hóa và việc tuân thủ đúng mọi điều đã cam kết là yếu tố thể hiện sự thiện chí và tính nghiêm túc của doanh nghiệp. các doanh nghiệp phải tìm hiểu về tập quán kinh doanh và thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 14: Nội dung chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý những vấn đề gì khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ.

A. Đặc điểm của CS:

- Cs TMQT của Mỹ được xây dựng trên hệ thống luật pháp tương đối phức tạp của toàn liên bang và các nguyên tắc của các tổ chức quốc tế như WTO, WB, IMF.
- Áp dụng hệ thống các công cụ biện pháp bảo hộ mang tính tinh vi và phù hợp với các nguyên tắc của WTO như rào cản kỹ thuật, biện pháp chống bán phá giá...
- Thực hiện cs tự do hóa TM cụ thể đối với hàng nông sản và lâm sản.
- Thực hiện bảo vệ người tiêu dùng
- Các công cụ và biện pháp thực hiện được phân chia mức độ áp dụng theo 3 nhóm nước.

Áp dụng chính sách ưu đãi đối với các nước được coi là đồng minh như Nhật Bản, EU...

Các nước theo chế độ cộng sản đặc biệt là các nước theo chế độ XHCN, trước đây thường áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế quan hệ thương mại, một số trường hợp đặc biệt áp dụng biện pháp cấm vận.

Thực hiện cs cấm vận với các nước được coi là kẻ thù.

B. Các công cụ, biện pháp thực hiện

Quy định về xuất xứ:

Quy định về xuất xứ được ghi trong luật thuế quan năm 1930 và 1984. Luật TM và cạnh tranh năm 1988. Trong đó đưa ra các quy định như sau:

- Quy định về ghi tên hàng hóa và nước xuất xứ bắt buộc phải ghi bằng tiếng Anh và tại vị trí rõ ràng nhất trên vỏ bao bì của hàng hóa.
- Quy định về mức phạt và các biện pháp xử lý có liên quan. Mức phạt đối với các nhà XK vi phạm quy định về xuất xứ thường tương đương với 10% giá trị hàng hóa khi đưa vào lãnh thổ hải quan của Mỹ.

Đồng thời các bên có liên quan phải thực hiện các biện pháp xử lý như sau:

+ đối với những hàng hóa đang bị giữ tại hải quan thì nhà NK phải tiến hành thu xếp thực hiện việc tái xuất hoặc hủy bỏ hoặc đóng gói lại dưới sự giám sát của hải quan.

+ đối với những hàng hóa đã thông quan thì nhà NK phải tiến hành thu hồi vận chuyển về hải quan để thực hiện các biện pháp xử lý dưới sự giám sát của hải quan như thu xếp tái XK, hủy bỏ, đóng gói lại.

Thuế quan

Biểu thuế quan của Mỹ được chia làm 2 cột tương ứng với 2 nhóm nước.

CỘT 1: thuế quan tối huệ quốc

Được áp dụng đối với những nước có quan hệ TM bình thường với Mỹ với mức thuế được chia làm 2 loại.

- Thuế quan thông thường: được áp dụng đối với những nước là thành viên của WTO và đã ký hiệp định TM với Mỹ
- Thuế quan ưu đãi là mức thuế quan thấp dành cho các nước đã ký hiệp định TM tự do với Mỹ

Các nước kém phát triển được hưởng hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP)

CỘT 2: Thuế quan không tối huệ quốc

Được áp dụng với những nước chưa có thỏa thuận về quan hệ TM bình thường với Mỹ và những nước bị cấm bán với mức thuế quan cao gấp hàng chục lần so với mức thuế quan tối huệ quốc.

Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP)

Được áp dụng đối với những nước kém phát triển một cách đơn phương và không kèm theo các điều kiện ràng buộc

- Điều kiện đối với hàng hóa

+ được vận chuyển thẳng từ nước được hưởng GSP đến lãnh thổ hải quan. Cụ thể là những hàng hóa đó không được phép bốc dỡ và sử dụng dọc đường.

+ điều kiện về xuất xứ hàng hóa trong đó quy định tỷ trọng giá trị nguyên liệu đầu vào và các chi phí sản xuất trực tiếp khác được hưởng GSP phải lớn hơn hoặc bằng 35% giá trị hàng hóa khi đưa vào lãnh thổ hải quan.

Trong điều kiện này, Mỹ áp dụng quy tắc xuất xứ gộp.

+ hàng hóa được sản xuất đáp ứng được các quy định theo tiêu chuẩn của Mỹ

- Nhóm các nước không được hưởng GSP

+ các nước theo chế độ cộng sản trừ các nước là thành viên của vWTO, IMF và các nước không bị chế độ cộng sản khống chế

+ các nước quốc hữu hóa tài sản

+ các nước không giành cho người lao động chế độ đãi ngộ được quốc tế thừa nhận

+ các nước thuộc tổ chức OPEC và các tổ chức quốc tế khác không tự nguyện cung ứng hàng hóa thiết yếu và thực hiện việc tăng giá một cách bất thường làm gián đoạn các hoạt động của nền KTTG

+ các nước không chịu thi hành trách nhiệm và nhiệm vụ theo sự phán quyết của trọng tài quốc tế trong các vụ kiện quốc tế mà Mỹ là bên thắng kiện.

Hàng năm các cơ quan TM của Mỹ tiến hành đánh giá điều kiện áp dụng GSP đối với các nước kém phát triển, nếu nước được hưởng được đánh giá là có đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường thì sẽ không tiếp tục được hưởng GSP nữa. Nước Mỹ có thể đơn phương hủy bỏ chế độ GSP với 1 nước cụ thể tùy theo điều kiện sản xuất trong nước.

Hạn ngạch

Hạn ngạch của Mỹ chia làm 2 loại

- Hạn ngạch tuyệt đối: quy định phần hàng hóa vượt quá mức hạn ngạch sẽ không được phép đưa vào lãnh thổ hải quan Mỹ và bên XK phải thuê kho hải quan chờ hạn ngạch năm sau hoặc tái XK.
- Hạn ngạch thuế quan: trong quy định của hạn ngạch này phần hàng hóa vượt quá mức hạn ngạch cho phép vẫn có thể được đưa vào hải quan nhưng phải chịu mức thuế NK cao hơn so với phần hàng hóa trong hạn ngạch. (thường cao hơn 10 lần)

Rào cản kỹ thuật

- Quy định về an toàn và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng. Đặc biệt là nhóm hàng công cộng bắt buộc nước XK phải thực hiện đầy đủ quy trình sx theo tiêu chuẩn của hệ thống HACCP
- Mỹ áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế đối với các nhà sản xuất xử dụng lao động theo độ tuổi được phép đảm bảo quyền lợi và chế độ bồi thường cho người lao động và cho phép họ thực hiện quyền tự do hội họp và tham gia vào cá hiệp hội khác nhau.
- Quy định về bảo vệ môi trường dựa theo tiêu chuẩn ISO 19000. Trong đó các nhà sản xuất phải tuân thủ các yêu cầu về thực hiện trách nhiệm xử lý môi trường và việc sử dụng nguyên liệu không làm mất cân bằng sinh thái và các sản phẩm sản xuất ra phải đảm bảo đạt các tính chất không gây ô nhiễm môi trường.
- Quy định về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9000. Đây cũng không phải là tiêu chuẩn bắt buộc đối với hàng hóa XK vào Mỹ.

Chính sách chống bán phá giá:

- Mỹ sẽ thực hiện việc điều tra hiện tượng bán phá giá của hàng NK khi có đủ 50% số DN trong ngành sản xuất nội địa cùng tham gia kí vào đơn kiện đối với nước XK. Cơ sở để xác định hàng bán phá giá tại thị trường Mỹ nếu thấp hơn mức giá bán tại thị trường nội địa nước XK.
- Các biện pháp trừng phạt đối với hàng hóa vi phạm cs chống bán phá giá: thông thường áp dụng mức thuế NK cao hơn. Ngoài ra có thể hạn chế NK hoặc hình phạt cao nhất là cấm NK. Đối với 1 số hàng hóa có dấu hiệu bán phá giá tại thị trường Mỹ thì cơ quan TM của Mỹ sẽ tiến hành áp dụng cơ chế giám sát.

Biện pháp hạn chế XK tự nguyện

Thường được áp dụng đối với hàng NK từ NB, TQ.

Ngoài những biện pháp áp dụng quản lý NK trong cs TMQT của Mỹ đề ra các điện pháp trong hỗ trợ TM XK như sau: cung cấp tín dụng TM từ NH XNK của Mỹ đối với các cty XNK nước ngoài; xác định những khu vực chuyên sản xuất hàng XK đặc biệt những khu vực ven biển; các biện pháp xúc tiến TM nhằm hỗ trợ về thông tin, thị trường và đàm phán kí kết hiệp định XK.

Các doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý những vấn đề sau khi xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Hoa Kỳ

Hoa kỳ là nước quy định rất chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Do đó, khi các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng sang Hoa Kỳ cần chú ý ghi tên hàng hóa và nước xuất xứ theo đúng quy định.

Các doanh nghiệp chú ý xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo đúng số lượng theo hạn ngạch để tránh bị đánh thuế cao hơn, chờ hạn ngạch năm sau hoặc phải tái xuất

Các doanh nghiệp cần chú ý các quy định kỹ thuật bắt buộc đối với hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ như quy định an toàn và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng thì các doanh nghiệp phải theo tiêu chuẩn của hệ thống HACCP, quy định về bảo vệ môi trường dựa theo tiêu chuẩn ISO 19000 và chú ý việc sử dụng lao động theo đúng tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên đáp ứng tiêu chuẩn ISO9000. Đáp ứng tiêu chuẩn này các doanh nghiệp sẽ có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn khi xuất khẩu hàng sang Hoa Kỳ.

Câu 15: Mục tiêu và những công cụ, biện pháp chủ yếu trong chính sách đầu tư quốc tế của Hoa Kỳ

A. CS hỗ trợ phát triển

Mục tiêu của chính sách

- Để thực hiện chính sách TM hóa toàn cầu cụ thể là tạo điều kiện cho việc phát triển quan hệ TMQT HK và các nước trên TG
- Là nền tảng quan trọng trong việc phát triển quan hệ ngoại giao và hợp tác đầu tư với các nước trên TG. Tạo điều kiện cho các công ty mỹ đầu tư ra nước ngoài.

Ngoài ra các khoản vốn hỗ trợ phát triển của Mỹ còn nhằm thực hiện các mục tiêu mang tính chất nhân đạo giúp các nước tiếp nhận giải quyết khó khăn do thiên tai dịch bệnh các chương trình xóa đói, giảm nghèo và phát triển tài năng.

Các lĩnh vực thực hiện cung cấp vốn hỗ trợ phát triển

- An ninh quan sự là lĩnh vực chiếm phần lớn vốn hỗ trợ của Mỹ được cung cấp cho các nước đồng minh và đối tác chiến lược trong lĩnh vực an ninh và quan sự

- Hỗ trợ thực hiện các chương trình dự án trong lĩnh vực xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng, các chương trình phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo
- Viện trợ nhân đạo được thực hiện để giúp đỡ việc giải quyết khó khăn do thiên tai dịch bệnh, phát triển tài năng ở các nước kém phát triển được thực hiện bằng nguồn vốn phi chính phủ.

Thực hiện hỗ trợ phát triển của Hoa Kỳ đối với các nước tiếp nhận chủ yếu thông qua viện trợ và cho vay ưu đãi.

B .CS ĐTTT nước ngoài

Cs thu hút ĐTTTNN:

- Mục tiêu của cs:
 - + thu hút vốn và công nghệ hiện đại, đặc biệt là từ các nước phát triển
 - +tăng khả năng cạnh tranh của các ngành các cty trong nước và tổ chức quốc tế
- Các hình thức đầu tư:
 - + Cấp giấy phép sử dụng bản quyền: đây là hình thức nhà ĐTNN cung cấp bản quyền, giấy phép cho các đối tác Mỹ sử dụng bản quyền về CN, bí quyết sản xuất, thương hiệu sản phẩm trong khoảng thời gian thỏa thuận trong hợp đồng.
 - + Cty liên doanh là hình thức đầu tư tổng đó nhà ĐTNN và Cty của Mỹ tham gia góp vốn để thành lập Cty với tư cách là pháp nhân. Quyền lợi và trách nhiệm của các bên được xác định trên cơ sở góp vốn.
 - + Chi nhánh sở hữu hoàn toàn: là hình thức các cty đa QG thành lập chi nhánh tại Mỹ trong đó tỷ lệ góp vốn của nhà ĐTNN chiếm từ 95% trở lên.
 - + Đại lý đặc quyền: trong đó các cty Mỹ cho phép nhà ĐTNN có đặc quyền sử dụng thương hiệu, bản quyền CN, bí quyết sản xuất và khai thác thị trường.
 - + Mua cổ phần chi phối: là hình thức nhà ĐTNN mua cổ phần của các cty Mỹ đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của luật pháp (20-30%), đầu tư qua thị trường chứng khoán.

B. CS ĐTTT ra nước ngoài:

Mục tiêu của chính sách

- Để xâm nhập thị trường nước ngoài

- Tăng khả năng thu lợi nhuận cho các nhà sản xuất và kinh doanh Mỹ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư
- Hướng đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng công nghệ, những phát minh tại Mỹ

Các biện pháp hỗ trợ ĐT ra nước ngoài

Các biện pháp này chủ yếu được thực hiện bởi cty (tổ chức) đầu tư tư nhân hải ngoại của Mỹ gọi tắt là OPIC.

- Hỗ trợ về vốn: thông qua hình thức cung cấp vốn tín dụng và bảo lãnh vốn vay cho các cty Mỹ khi ĐT ra nước ngoài với tỷ lệ góp từ 70% trở lên.
- Hỗ trợ thông qua bảo hiểm rủi ro:
 - + Bảo hiểm rủi ro đầu tư liên quan đến chuyển đổi ngoại tệ khi các cty MỸ thực hiện ĐT ra nước ngoài do có sự biến động TGHĐ và cs quản lý ngoại hối của nước tiếp nhận
 - + Bảo hiểm tước đoạt: khi các nhà ĐT Mỹ có tài sản bị sung công hoặc quốc hữu hóa ở nước ngoài. Mức độ bồi thường từ 80%-100% tài sản.
 - + Bảo hiểm rủi ro chính trị: áp dụng khi nước tiếp nhận đầu tư xảy ra tình trạng đảo chính, nội chiến, đình công kéo dài. Rủi ro được bồi thường với mức độ cao nhất tỷ lệ bồi thường từ 90% trở lên và bảo hiểm có thể kéo dài tới 20 năm.
- Hỗ trợ thông tin về môi trường đầu tư: có thể cung cấp nhưng thông tin tương đối đầy đủ và cập nhật về môi trường đầu tư của hơn 140 nước trên TG
- Chính phủ Mỹ đàm phán và ký kết các hiệp định hợp tác song phương và đa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà ĐTN.
- + các hiệp định hợp tác đầu tư song phương: hiện nay chính phủ Mỹ đã ký hiệp định về đảm bảo thuận lợi hóa và tự do hóa đầu tư với khoảng 160 QG trên TG. Trong đó đặc biệt chú trọng đến thỏa thuận tránh đánh thuế 2 lần.
- + Hiệp định hợp tác đầu tư đa phương chính phủ Mỹ đã hậu thuẫn cho NHTG thành lập quỹ bảo hiểm đầu tư đa phương gọi tắt là MIGA.

Ngoài ra, khuyến khích đầu tư vào các nước đang phát triển và chậm phát triển thông qua hình thức hỗ trợ vốn bằng cách mua cổ phần, chỉ hiệu quả nước có thị trường chứng khoán ổn định. Hỗ trợ cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài của công ty vừa và nhỏ. Thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư.

Câu 17: Những nội dung chủ yếu trong chính sách TMQT của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Các giải pháp chủ yếu để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trong điều kiện hội nhập WTO. Cho ví dụ minh hoạ.

Trả lời:

1. Nội dung chủ yếu trong chính sách TMQT của VN từ năm 1986 đến nay.

Từ năm 1986, ĐH VI của Đảng đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của TMQT do đó đã đề ra chính sách TMQT như sau:

- Phải đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu
- Áp dụng rộng rãi các hình thức hợp tác và liên kết với các nước XHCN cũng như các nước khác trên thế giới
- Tiến hành các hoạt động TMQT theo quan điểm mở cửa (đa dạng hoá thị trường, từng bước gắn liền nền kinh tế nước ta với thị trường quốc tế theo nguyên tắc đảm bảo độc lập, chủ quyền dân tộc, an ninh quốc gia và cùng có lợi)
- Nghị quyết của Hội nghị TW VI của ban chấp hành TW đã khẳng định:
 - Phải dứt khoát chuyển các hoạt động sang hạch toán kinh doanh trên cơ sở Tỷ giá hối đoái thống nhất và linh hoạt, hình thành theo cơ chế kinh doanh.
 - Chính sách thuế phải thực sự khuyến khích và phát triển có định hướng các hoạt động kinh tế đối ngoại, khuyến khích các cơ sở làm hàng xuất khẩu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm thị trường ổn định, lâu dài, có hiệu quả cao.
- Đầu thập kỷ 90, khi hệ thống XHCN sụp đổ và hội đồng tương trợ kinh tế không còn tồn tại, những hạn chế đối với TMQT càng được nới lỏng (phần lớn các hạn ngạch XNK được bãi bỏ):
 - Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu được xuất khẩu trực tiếp mà không còn thông qua các công ty thương mại của Nhà Nước.
 - Hệ thống giấy phép XNK được nới lỏng, phạm vi hàng hoá phải xin cấp giấy phép xuất khẩu giảm mạnh.
 - Thuế quan và các loại thuế thương mại ngày càng được tính toán hợp lý hơn.
 - Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế hoàn thuế nhập khẩu đối với việc nhập khẩu các nguyên liệu phục vụ cho mục tiêu xuất khẩu.

- Cho phép các doanh nghiệp tư nhân được phép tham gia vào hoạt động XNK trực tiếp.

Tất cả các cải cách trên nhằm hướng tới tự do hoá thương mại trong lĩnh vực kinh tế Nhà Nước, giúp các doanh nghiệp nhạy cảm hơn với các tín hiệu thị trường đồng thời có tính chủ động hơn trong việc đề ra quyết định sản xuất kinh doanh XNK.

- Chính phủ đã tiến hành các bước cải cách theo xu hướng tự do hoá thương mại đặc biệt là trong những năm gần đây thông qua việc tham gia một cách tích cực vào các liên kết kinh tế khu vực và quốc tế.

2. Các giải pháp chủ yếu nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trong điều kiện hội nhập WTO.

2.1. Giải pháp từ phía Nhà Nước

- Mở rộng và phát triển các quan hệ KTQT, quan hệ thương mại với các nước trên thế giới.
- Đổi mới thể chế và chính sách quản lý hoạt động XNK theo hướng minh bạch hoá nhằm khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi đối tượng kinh doanh có hiệu quả. Mặc dù luật thương mại đã thực thi nhưng Việt Nam cần hoàn thiện hơn nữa các văn bản dưới luật cho việc thực thi luật được thuận lợi hơn đặc biệt là các quy định về Hải quan.
- Phải có chiến lược quy hoạch, xây dựng các dự án sản xuất hàng hoá xuất khẩu trên cơ sở đánh giá đúng tiềm năng và lợi thế của từng vùng. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu từ sản phẩm thô, sơ chế sang xuất khẩu sản phẩm chế biến sâu có giá trị cao thông qua phát triển công nghệ chế biến, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại: Chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thông tin về thị trường xuất khẩu. Bên cạnh việc mở rộng thị trường mới cần không ngừng củng cố thị trường truyền thống vì đó là những thị trường có sức mua tương đối lớn và điều kiện cạnh tranh có phần thuận lợi hơn đối với các doanh nghiệp Việt Nam.
- Đổi mới hoạt động của các tổng công ty, khuyến khích việc thành lập các hiệp hội ngành hàng xuất khẩu nhằm đáp ứng các hợp đồng lớn và dài hạn. Mặt khác tránh hiện tượng chạm chán trên sân nhà và giảm uy tín của hàng Việt Nam.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt cần đào tạo đội ngũ cán bộ ngoại thương chuyên nghiệp và hiểu biết luật pháp và thông lệ quốc tế.

2.2. Giải pháp từ phía doanh nghiệp

- Lựa chọn mặt hàng kinh doanh có nhiều triển vọng, có thế mạnh của Việt Nam như gạo, cà phê, cao su, hạt điều, thủy sản, dệt may...
- Đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất hàng xuất khẩu để nâng cao chất lượng, tăng cạnh tranh, cải tiến mẫu mã, giảm giá thành và giá xuất khẩu. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay nên tập trung vào công nghệ bảo quản và công nghệ chế biến.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường nước ngoài để nắm bắt cơ hội kinh doanh, xuất khẩu những thứ thị trường cần. Các doanh nghiệp có thể nghiên cứu chính sách thương mại, mở văn phòng đại diện, thành lập cơ quan xúc tiến thương mại tại các thị trường XNK lớn, đào tạo đội ngũ nhân viên Marketing giỏi.
- Tăng cường công tác quảng cáo và khuyến khích các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp.
- Thúc đẩy liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tăng cường tiềm lực xuất khẩu, thành lập các hiệp hội xuất khẩu.
- Tiếp cận tốt các kênh phân phối ở các thị trường khác nhau. Ví dụ đối với EU cần thông qua các tập đoàn, đối với Mỹ cần thông qua các hiệp hội.
- Đa dạng hoá thị trường và trong một thị trường cần đa dạng hoá mặt hàng (tránh tình trạng khi hàng xuất khẩu của nước ta tăng lên đạt đến một quy mô nhất định thì các nước nhập khẩu lại dựng lên hàng rào kỹ thuật).

Câu 18: Những nội dung chủ yếu trong chính sách đầu tư quốc tế của Việt Nam từ 1986 đến nay. Các giải pháp chủ yếu để tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

1. Những nội dung chủ yếu trong chính sách đầu tư quốc tế của Việt Nam từ 1986 đến nay

Chính sách đầu tư quốc tế của Việt Nam

Mô hình chính sách: Từ năm 1986 đến nay, Việt nam đã thực hiện chính sách khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế của đất nước

trong đó ưu tiên thúc đẩy xuất khẩu, tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao trình độ công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, khai thác hiệu quả nguồn lực trong nước.

Các biện pháp thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, Luật đầu tư nước ngoài ngày càng được hoàn thiện thông qua việc ban hành các văn bản bổ sung và tiến tới ban hành luật đầu tư chung nhằm khắc phục những hạn chế của Luật đã ban hành đồng thời đưa ra những điều chỉnh cho phù hợp với thay đổi của mục tiêu phát triển trong nước và bối cảnh thế giới. Tiến tới xây dựng một khung pháp luật về đầu tư thống nhất phù hợp với thông lệ quốc tế.

- 1987: Việt nam ban hành luật đầu nước ngoài, luật này khá thông thoáng , cởi mở có nhiều ưu đãi nhất so với các nước trong khu vực.Tuy nhiên do ban hành lần đầu tiên nên khó tránh khỏi những khiếm khuyết và còn chứa đựng những điều trái với thông lệ quốc tế.

- 1990: Luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam đã qua sửa đổi và bổ sung. Luật này cho phép các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn được trực tiếp hợp tác đầu tư với nước ngoài

- 12/1992: Luật đầu tư nước ngoài sửa đổi và bổ sung, Luật này cho phép các công ty tư nhân được hợp tác đầu tư với nước ngoài, hình thức đầu tư cũng được mở rộng thêm đó là Khu chế xuất và hợp đồng xây dựng - kinh doanh- chuyển giao

- 11/1996: Quốc hội Việt nam đã ban hành luật sửa đổi và bổ sung nước ngoài lần thứ 3 với mục đích xem xét và điều chỉnh một cách đồng bộ với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo hướng cái gì quy định “quá lỏng” thì xiết lại và cái gì quá chặt thì xiết ra như: Mở rộng thêm một số hình thức đầu, rút ngắn thời gian thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho các dự án nước ngoài từ 90 xuống còn 60 ngày

- 1/1998: Chính phủ đã ban hành nghị định 10/CP về một số biện pháp khuyến khích và đảm bảo hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Nghị định cho phép các DN 100% vốn nước ngoài được chuyển lỗ tối đa không quá 5 năm; cho phép các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư được hưởng mức thuế lợi tức ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động

- 11/2005 Chính phủ Việt Nam đã ban hành Luật đầu tư chung, Luật này đã có những chính sách ưu đãi phù hợp hơn để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài như: Nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư tại

Việt Nam theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ đối với các dự án thuộc diện ưu đãi đầu tư được miễn thuế thu nhập theo quy định của pháp luật về thuế; Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới ba trăm tỷ đồng Việt Nam và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư tại cơ quan nhà nước quản lý đầu tư cấp tỉnh để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư...

2. Chủ động tham gia có hiệu quả vào cơ chế song phương, khu vực và trên thế giới để điều chỉnh hoạt động FDI theo hướng mục tiêu chung: tự do hoá hoạt động đầu tư.

Thể hiện: Việt nam đã ký hiệp định khuyến khích đầu tư với 147 nước

3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường thể hiện: Bên cạnh luật đầu tư, luật doanh nghiệp đấu thầu được ban hành và một số đạo luật khác được sửa đổi, ban hành một số đạo luật còn thiếu..

4. Tiến hành cải cách thủ tục hành chính theo hướng một cửa, gọn nhẹ, đầy đủ

5. Về đầu tư kết cấu hạ tầng, trong những năm gần đây Nhà nước chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các dự án FDI

6. Trong thời gian vừa qua Chính phủ sử dụng nhiều biện pháp xúc tiến đầu tư: Giới thiệu hình ảnh của Việt Nam ra thị trường thế giới, tham gia các cuộc hội thảo đầu tư mang tính chất quốc tế, thực hiện các chuyến thăm của các nhà lãnh đạo tới các nước trên thế giới...

Hiện nay Việt Nam có khoảng 16 trung tâm xúc tiến đầu tư

Ngoài ra, Nhà nước còn sử dụng nhiều biện pháp hỗ trợ khác

2. Các giải pháp chủ yếu để tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

2.1 Giải pháp từ phía nhà nước

- Nhà nước tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư nước ngoài: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp về đầu tư theo hướng đồng bộ và hấp dẫn; Thực hiện có hiệu quả công tác phân cấp quản lý về các Tỉnh, Thành phố; Đảm bảo sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội; Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết của Việt nam với các tổ chức quốc tế; thực hiện chống tham nhũng một cách hiệu quả...

- Hoàn thiện công tác quy hoạch ở tất cả các ngành kinh tế trọng điểm nhằm tránh tình trạng cùng một thời điểm có quá nhiều dự án được cấp giấy phép dẫn đến hiện tượng đầu tư tràn lan kém hiệu quả... Trong đó xác định các ngành, lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư, các lĩnh vực và địa bàn đầu tư khó khăn có sự khuyến khích và ưu tiên đầu tư của Chính phủ
- Thực hiện tốt chính sách giải phóng mặt bằng gắn với tái định cư, giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động....
- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, xây dựng lại kết cấu hạ tầng ngày hiện đại, đạt trình độ quốc tế. Chú trọng đến kết cấu hạ tầng xã hội như hệ thống giáo dục, y tế, bảo hiểm...
- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư và cung cấp thông tin giúp cho việc lựa chọn các nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với đặc điểm của từng dự án
- Cải cách bộ máy hành chính theo hướng gọn nhẹ, có hiệu lực. Tiếp tục thực hiện chủ trương mở rộng phân cấp quản lý đầu tư cho các UBND tỉnh và thành phố trực thuộc . Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý dự án sau cấp phép
- Cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn giải quyết các thủ tục đầu tư và quản lý dự án để đảm bảo đội ngũ cán bộ này vừa có đức lại vừa có tài.
- Chính phủ cần nâng cao các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các nhà đầu tư, tạo sự an toàn khi họ đầu tư vào Việt Nam.

2.2 Giải pháp từ phía doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp cần chủ động hơn nữa trong việc xúc tiến thu hút vốn FDI như: Xây dựng các trang Web riêng giới thiệu về công ty; Tham gia các hội chợ và diễn đàn doanh nghiệp quốc tế; Nắm bắt kịp thời các chủ trương và chính sách của nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI..
- Các doanh nghiệp cần chủ động đầu tư máy móc, công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo nên những sản phẩm có chất lượng tốt để nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp
- Lao động là một trong những nhân tố rất quan trọng quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp, chính vì vậy mà các doanh nghiệp cần chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để tăng thêm sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài.